

Số: 09 /BC-VHXX

Minh Long, ngày 29 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Hồ sơ đề nghị nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung quý II năm 2026 và phụ cấp thâm niên nhà giáo 6 tháng đầu năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo.

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã. Phòng Văn hóa - Xã hội báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ nâng lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung quý II năm 2026 và phụ cấp thâm niên nhà giáo 6 tháng đầu năm 2026, cụ thể như sau:

1. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị đề nghị nâng lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung quý II năm 2026 là: 15 cá nhân, Trong đó:

a) Số lượng hồ sơ đề nghị nâng bậc lương thường xuyên gồm có: 13 cá nhân (có danh sách kèm theo)

- Kết quả thẩm định:

Có 11 hồ sơ đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm b, khoản 2 điều 2 Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 và Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Cá nhân được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại trong 3 năm gần nhất đối với bậc Cao đẳng, Đại học và 02 năm đối với bậc Trung cấp, nhân viên từ Hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Còn 02 hồ sơ của ông Đinh Đức Nghĩa, Phó Chi huy trưởng BCH quân sự xã do đơn vị cũ (UBND xã Thanh An cũ) bỏ sót chưa đề nghị nâng bậc lương từ ngày 01/5/2025 và ông Trình Văn Dũng, Lái xe UBND xã do đơn vị bỏ sót chưa đề nghị nâng bậc lương từ ngày 01/7/2025. Để đảm bảo chế độ chính cho người lao động, phòng Văn hóa – Xã hội xin ý kiến Hội đồng xét nâng lương thống nhất bổ sung 02 hồ sơ nâng lương cho ông Đinh Đức Nghĩa và ông Trình Văn Dũng đúng theo quy định.

b. Số lượng hồ sơ đề nghị nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung gồm: 02 cá nhân,

- Kết quả thẩm định:

DANH SÁCH

CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN QUÝ II NĂM 2026
THUỘC DIỆN UBND XÃ QUẢN LÝ

(Kèm theo Báo cáo số 09 /BC-VHXXH ngày 29/7/2026 của phòng Văn hóa - Xã hội xã Minh Long)

STT	TT	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ, đơn vị hiện đang công tác	Ngạch, bậc lương hiện hưởng				Kết quả nâng bậc lương năm 2026				Ghi chú		
				Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc trong ngạch	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số chênh lệch bảo lưu, vượt khung (nếu có)	Thời điểm hưởng	Mã số ngạch	Bậc lương sau khi nâng	Hệ số lương sau khi nâng		Hệ số chênh lệch bảo lưu, vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính nâng bậc lương cho lần sau
		KHỐI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC UBND XÃ															
	*	Văn phòng HĐND và UBND															
1	1	Đình Tiến Riêng		1982		Nhân viên bảo vệ	01.009	6/12	2,55		15/4/2024	01.009	7/12	2,73		15/4/2026	Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV
2	1	Trình Văn Dũng		1974		Nhân viên lái xe	01.009	7/12	3,13		01/7/2023	01.009	8/12	3,31		01/7/2025	Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV
	*	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công															
3	1	Đình Văn Bảy		1995		Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	V.10.07.23	1/9	2,34		01/5/2023	V.10.07.23	2/9	2,67		01/5/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV
4	2	Đình Thị Dung			1996	Chuyên viên	01.003	1/9	2,34		01/5/2023	01.003	2/9	2,67		01/5/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV

STT	TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị hiện đang công tác	Ngạch, bậc lương hiện hưởng					Kết quả nâng bậc lương năm 2026					Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc trong ngạch	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số chênh lệch bảo lưu, vượt khung (nếu có)	Thời điểm hưởng	Mã số ngạch	Bậc lương sau khi nâng	Hệ số lương sau khi nâng	Hệ số chênh lệch bảo lưu, vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính nâng bậc lương cho lần sau	
	*	Ban chỉ huy quân sự xã														
5		Đình Đức Nghĩa	1984		PCH trưởng	01.005	4/12	2,46		01/5/2023	01.005	5/12	2,66		01/5/2025	Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV
	*	Trạm Y tế xã Minh Long														
6	1	Nguyễn Thị Minh Trang		1987	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5/10	3,34		01/4/2023	V.08.05.13	6/10	3,65		01/4/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV
	*	Trường mầm non Ánh Dương														
7	1	Huỳnh Thị Bích Ly		1987	Nhân viên y tế	16b.121	7/12	3,06		07/5/2024	16b.121	8/12	3,26		07/5/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV
8	2	Nguyễn Thị Thanh Thúy		1991	Kế toán	06.031	4/9	3,33		01/6/2023	06.031	5/9	3,66		01/6/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV
	*	Trường Tiểu học Thanh An														
9	1	Nguyễn Thị Minh Phụng		1997	Giáo viên	V.07.03.29	1/9	2,34		01/4/2023	V.07.03.29	2/9	2,67		01/4/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV
	*	Trường Tiểu học Long Hiệp														
10	1	Võ Thị Bích Thảo		1999	Giáo viên	V.07.03.29	1/9	2,34		01/4/2023	V.07.03.29	2/9	2,67		01/4/2026	Năm 2023: HTTNV Năm 2024: HTTNV Năm 2025: HTTNV
11	2	Nguyễn Thị Hồng Nữ		1971	Giáo viên	V.07.03.08	10/10	4,89	7%	01/7/2025	V.07.03.08	10/10	4,89	8%	01/7/2026	Năm 2025: HTNV

STT	TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị hiện đang công tác	Ngạch, bậc lương hiện hưởng					Kết quả nâng bậc lương năm 2026					Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc trong ngạch	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số chênh lệch bảo lưu, vượt khung (nếu có)	Thời điểm hưởng	Mã số ngạch	Bậc lương sau khi nâng	Hệ số lương sau khi nâng	Hệ số chênh lệch bảo lưu, vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính nâng bậc lương cho lần sau	
12	3	Lê Thị Tuyết Nhung		1971	Giáo viên	V.07.03.08	10/10	4,89	9%	01/7/2025	V.07.03.08	10/10	4,89	10%	01/7/2026	Năm 2025: HTNV
	*	Trường PTDTNT THCS Minh Long														
13	1	Phạm Ngọc Trinh	1991		Giáo viên	V.07.04.32	4/9	3,33		01/5/2023	V.07.04.32	5/9	3,66		01/5/2026	Năm 2023: HTNV Năm 2024: HTNV Năm 2025: HTNV
	*	Trường THCS Long Hiệp														
14	1	Nguyễn Thị Thanh Hương		1994	Giáo viên	V.07.04.32	1/9	2,34		29/5/2023	V.07.04.32	2/9	2,67		29/5/2026	Năm 2023: HTNV Năm 2024: HTNV Năm 2025: HTNV
15	2	Võ Thị Kim Vân		1988	Giáo viên	V.07.04.32	5/9	3,66		01/4/2023	V.07.04.32	6/9	3,99		01/4/2026	Năm 2023: HTNV Năm 2024: HTXSNV Năm 2025: HTNV

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN THỜI GIAN HƯỞNG PHỤ CẤP THẨM NIÊN ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VHXH ngày /7/2026 của phòng Văn hóa - Xã hội xã Minh Long)

STT	TT	Họ và tên	Ngày, năm sinh	Ngày tháng năm tuyển dụng	Ngày được bổ nhiệm vào ngạch (hết tập sự)	Thời gian không tính hưởng PC thẩm niên	Thời gian tính hưởng PC thẩm niên	% PC thẩm niên được hưởng	Kể từ ngày tháng năm	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6		7	8	9
	I. Trường Mầm non Thanh An									
1	1	Đinh Thị Duyên	10/02/1998	01/4/2022	01/4/2022		5 năm 3 tháng	5%	01/3/2026	
	II. Trường Mầm non Ánh Dương									
2	1	Phạm Thị Hậu	20/12/1997	02/01/2020	02/7/2020	Tập sự 06 tháng	5 năm	5%	02/7/2025	
3	2	Đinh Thị Sang	12/12/1995	01/02/2023	01/11/2023	Tập sự 09 tháng	5 năm 4 tháng	5%	01/3/2026	Thời gian hợp đồng có đồng BH bắt buộc 32 tháng từ 10/2017- 01/2023

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ NÂNG MỨC PHỤ CẤP THÂM NIÊN ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO ĐỢT 1 NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số 09 /BC-VHXH ngày 29/7/2026 của phòng Văn hóa - Xã hội xã Minh Long)

STT	TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngày, tháng, năm tuyển dụng	Ngày được bổ nhiệm vào ngạch (hết tập sự)	% PC thâm niên hiện hưởng				Kết quả nâng % PC thâm niên năm 2026			Ghi chú
						Thời gian tính hưởng PC thâm niên	% PC thâm niên	Thời điểm đã được hưởng PC thâm niên	Thời gian tính hưởng PC thâm niên	% PC thâm niên	Thời gian để tính nâng % PC thâm niên lần sau		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	I	Trường Mẫu giáo Long Môn											
1	1	Lê Thị Tiến	14/7/1983	01/5/2007	01/5/2007	18 năm	18%	01/5/2025	19 năm	19%	01/5/2026		
2	2	Đinh Thị Miết	16/9/1978	01/5/2007	01/5/2007	18 năm	18%	01/5/2025	19 năm	19%	01/5/2026		
	II	Trường Mầm non Thanh An											
3	1	Lâm Thị Kim Nhung	29/06/1975	30/12/1990	01/01/1993	32 năm	32%	01/01/2025	33 năm	33%	01/01/2026		
4	2	Nguyễn Thị Tuyết	20/06/1974	15/10/1990	01/03/1993	32 năm	32%	01/03/2025	33 năm	33%	01/03/2026		
5	3	Trịnh Thị Diệu Linh	12/07/1983	18/11/2004	19/05/2005	20 năm	20%	19/05/2025	21 năm	21%	19/05/2026		
6	4	Đinh Thị Hiên	08/08/1974	01/09/1995	01/05/2007	18 năm	18%	01/05/2025	19 năm	19%	01/05/2026		
7	5	Lê Thị Như Quỳnh	24/04/1993	01/09/2015	01/03/2016	9 năm	9%	01/03/2025	10 năm	10%	01/03/2026		
8	6	Đinh Thị Lan	15/07/1991	02/01/2020	02/01/2020	6 năm	6%	1/1/2025	7 năm	7%	1/1/2026		
9	7	Đinh Thị Hương	18/09/1993	02/01/2020	02/01/2020	6 năm	6%	01/05/2025	7 năm	7%	01/05/2026		
	III	Trường Mầm non Ánh Dương											
10	1	Nguyễn Thị Châu	10/8/1980	01/12/2004	01/12/2004	20 năm	20%	01/6/2025	21 năm	21%	01/6/2026		

STT	TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngày, tháng, năm tuyển dụng	Ngày được bổ nhiệm vào ngạch (hết tập sự)	% PC thâm niên hiện hưởng				Kết quả nâng % PC thâm niên năm 2026				Ghi chú
						Thời gian tính hưởng PC thâm niên	% PC thâm niên	Thời điểm đã được hưởng PC thâm niên	Thời gian tính hưởng PC thâm niên	% PC thâm niên	Thời gian để tính nâng % PC thâm niên lần sau			
11	2	Cao Thị Minh Tâm	30/6/1981	01/5/2007	01/5/2007	18 năm	18%	01/5/2025	19 năm	9%	01/5/2026			
12	3	Phạm Thị Lưu Luyện	12/01/1985	29/11/2010	29/5/2011	14 năm	14%	29/5/2025	15 năm	15%	29/5/2026			
13	4	Lê Thị Tố Huyền	21/9/1989	24/10/2013	01/5/2014	11 năm	11%	01/5/2025	12 năm	12%	01/5/2026			
14	5	Nguyễn Thị Thanh Thùy	30/6/1992	24/10/2013	01/5/2014	11 năm	11%	01/5/2025	12 năm	12%	01/5/2026			
15	6	Nguyễn Thị Kim Phụng	20/7/1993	24/10/2013	01/5/2014	11 năm	11%	01/5/2025	12 năm	12%	01/5/2026			
16	7	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	06/12/1990	24/10/2013	01/5/2015	10 năm	10%	01/5/2025	11 năm	11%	01/5/2026			
17	8	Trần Thị Tiên	15/02/1994	04/9/2018	04/9/2018	7 năm	7%	01/02/2025	8 năm	8%	01/02/2026			
18	9	Phạm Thị Như Ý	25/02/1993	02/01/2020	02/01/2020	6 năm	6%	01/02/2025	7 năm	7%	01/02/2026			
19	10	Phạm Thị Bé	06/8/1994	02/01/2020	02/01/2020	6 năm	6%	01/5/2025	7 năm	7%	01/5/2026			
	IV	Trường Tiểu học Thanh An												
20	1	Nguyễn Thị Anh Kiều	10/02/1977	01/09/1998	01/01/1999	26 năm	26%	01/01/2025	27 năm	27%	01/01/2026			
21	2	Trần Minh Phương	04/05/1976	01/01/2003	01/01/2003	22 năm	22%	01/01/2025	23 năm	23%	01/01/2026			
22	3	Trần Thị Kim Anh	02/04/1974	01/01/2003	01/01/2003	22 năm	22%	01/01/2025	23 năm	23%	01/01/2026			
23	4	Trần Thị Thu Nhung	10/06/1971	01/01/2003	01/01/2003	22 năm	22%	01/01/2025	23 năm	23%	01/01/2026			
24	5	Phạm Thị Tâm	10/12/1981	01/04/2004	01/08/2004	20 năm	20%	01/02/2025	21 năm	21%	01/02/2026			
25	6	Lê Thị Kim Tài	17/02/1975	01/09/1998	01/05/1999	26 năm	26%	01/05/2025	27 năm	27%	01/05/2026			
26	7	Đàm Thị Thương	04/12/1989	18/11/2010	29/05/2011	14 năm	14%	29/05/2025	15 năm	15%	29/05/2026			

STT	TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngày, tháng, năm tuyển dụng	Ngày được bổ nhiệm vào ngạch (hết tập sự)	% PC thâm niên hiện hưởng				Kết quả nâng % PC thâm niên năm 2026			Ghi chú
						Thời gian tính hưởng PC thâm niên	% PC thâm niên	Thời điểm đã được hưởng PC thâm niên	Thời gian tính hưởng PC thâm niên	% PC thâm niên	Thời gian để tính nâng % PC thâm niên lần sau		
27	8	Trần Văn Trọng	23/01/1988	18/11/2010	29/05/2011	14 năm	14%	29/05/2025	15 năm	15%	29/05/2026		
28	9	Nguyễn Thị Ái Vân	20/01/1977	01/10/1994	01/06/1999	26 năm	26%	01/06/2025	27 năm	27%	01/06/2026		
29	10	Đinh Thị Bé	10/09/1975	01/10/1994	01/06/1999	26 năm	26%	01/06/2025	27 năm	27%	01/06/2026		
30	11	Trương Thị Kim Tuyến	09/08/1977	01/10/1994	01/06/1999	26 năm	26%	01/06/2025	27 năm	27%	01/06/2026		
31	12	Nguyễn Thị Hoa	20/01/1974	01/10/1994	01/06/1999	26 năm	26%	01/06/2025	27 năm	27%	01/06/2026		
32	13	Lê Minh Nghĩa	17/08/1978	05/09/1994	01/06/1999	26 năm	26%	01/06/2025	27 năm	27%	01/06/2026		
33	14	Nguyễn Thị Phụng	08/05/1974	01/10/1994	01/06/1999	26 năm	26%	01/06/2025	27 năm	27%	01/06/2026		
34	15	Hồ Thái Học	16/04/1990	14/06/2012	14/06/2013	12 năm	12%	14/06/2025	13 năm	13%	14/06/2026		
	V	Trường Tiểu học Long Hiệp											
35	1	Lê Thị Tuyết Nhung	01/02/1971	01/9/1991	01/10/1992	33 năm	33%	01/10/2025	34 năm	34%	01/10/2026	Nghỉ hưu trước tuổi ngày 01/11/2026	
36	2	Nguyễn Thị Hồng Nữ	01/01/1971	20/12/1993	01/01/1995	30 năm	30%	01/01/2025	31 năm	31%	01/01/2026		
37	3	Trần Thị Thu Trang	22/06/1972	30/12/1990	01/01/1993	32 năm	32%	01/01/2025	33 năm	33%	01/01/2026		
38	4	Huỳnh Trung Trang	10/12/1972	01/06/1999	01/06/1999	26 năm	26%	01/06/2025	27 năm	27%	01/06/2026		
39	5	Mai Thị Thu Thảo	02/02/1978	01/06/1999	01/06/1999	26 năm	26%	01/06/2025	27 năm	27%	01/06/2026		
40	6	Huỳnh Thị Lệ Chi	08/08/1976	01/07/1998	01/05/1999	26 năm	26%	01/05/2025	27 năm	27%	01/05/2026		
41	7	Hồ Thị Xuân Phìn	25/11/1973	01/03/1996	01/01/2002	23 năm	23%	01/01/2025	24 năm	24%	01/01/2026		
42	8	Nguyễn Tấn Thanh	29/07/1974	01/01/2003	01/01/2003	22 năm	22%	01/01/2025	23 năm	23%	01/01/2026		

STT	TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngày, tháng, năm tuyển dụng	Ngày được bổ nhiệm vào ngạch (hết tập sự)	% PC thâm niên hiện hưởng			Kết quả nâng % PC thâm niên năm 2026			Ghi chú
						Thời gian tính hưởng PC thâm niên	% PC thâm niên	Thời điểm đã được hưởng PC thâm niên	Thời gian tính hưởng PC thâm niên	% PC thâm niên	Thời gian để tính nâng % PC thâm niên lần sau	
43	9	Hồ Thị Hoài Thương	20/07/1979	26/09/2003	01/06/2004	21 năm	21%	01/06/2025	22 năm	22%	01/06/2026	
44	10	Nguyễn Thị Lệ Hằng	27/09/1989	18/11/2010	29/05/2011	14 năm	14%	29/05/2025	15 năm	15%	29/05/2026	
45	11	Lê Thị Minh	24/04/1976	10/10/2011	10/04/2012	13 năm	13%	10/04/2025	14 năm	14%	10/04/2026	
46	12	Trịnh Thị Thảo Ly	03/09/1991	10/10/2011	10/04/2012	13 năm	13%	10/04/2025	14 năm	14%	10/04/2026	
47	13	Lê Quang Cường	04/10/1985	10/10/2011	10/04/2012	13 năm	13%	10/04/2025	14 năm	14%	10/04/2026	
	VI	Trường PT DTBT TH&THCS Long Môn										
48	1	Trịnh Văn Sỹ	19/5/1976	06/9/1999	29/01/2001	25 năm	25%	01/5/2025	26 năm	26%	01/5/2026	
49	2	Nguyễn Thị Thanh	15/6/1978	20/9/2000	01/6/2001	24 năm	24%	01/6/2025	25 năm	25%	01/6/2026	
50	3	Đinh Xâm	29/01/1976	01/9/1994	01/01/2001	24 năm	24%	01/01/2025	25 năm	25%	01/01/2026	
51	4	Thới Thượng Sơn	10/9/1978	20/9/2000	01/6/2001	24 năm	24%	01/6/2025	25 năm	25%	01/6/2026	
52	5	Nguyễn Hà	27/4/1986	10/4/2011	10/4/2012	13 năm	13%	10/4/2025	14 năm	14%	01/4/2026	
53	6	Võ Duy Nhất	27/7/1992	04/9/2018	04/9/2018	7 năm	7%	01/3/2025	8 năm	8%	01/3/2026	
54	7	Đinh Đại Điều	19/9/1994	05/9/2018	05/3/2019	6 năm	6%	05/02/2025	7 năm	7%	05/02/2026	
55	8	Đàm Văn thịnh	20/11/1997	31/8/2018	05/3/2019	6 năm	6%	05/3/2025	7 năm	7%	05/3/2026	
	VII	Trường THCS Thanh An										
56	1	Bạch Thanh Hiếu	10/10/1970	01/11/1996	01/3/1998	27 năm	27%	01/3/2025	28 năm	28%	01/3/2026	
57	2	Lương Hồng Hạnh	02/02/1984	27/11/2007	01/01/2008	16 năm	16%	01/01/2025	17 năm	17%	01/01/2026	

STT	TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngày, tháng, năm tuyển dụng	Ngày được bổ nhiệm vào ngạch (hết tập sự)	% PC thâm niên hiện hưởng				Kết quả nâng % PC thâm niên năm 2026			Ghi chú
						Thời gian tính hưởng PC thâm niên	% PC thâm niên	Thời điểm đã được hưởng PC thâm niên	Thời gian tính hưởng PC thâm niên	% PC thâm niên	Thời gian để tính nâng % PC thâm niên lần sau		
58	3	Nguyễn Thị Minh Viên	24/10/1990	24/10/2013	10/6/2015	10 năm	10%	01/5/2025	11 năm	11%	01/5/2026		
59	4	Phạm Thị Chín	30/11/1983	19/5/2014	01/6/2014	10 năm	10%	01/6/2025	11 năm	11%	01/6/2026		
	VIII	Trường THCS Long Hiệp											
60	1	Ngô Thị Kim Thoa	17/3/1986	18/11/2010	29/11/2011	10 năm	10%	29/6/2025	11 năm	11%	29/6/2026		
61	2	Nguyễn Thị Thu Thúy	22/8/1972	01/9/1995	01/01/1997	28 năm	28%	01/01/2025	29 năm	29%	01/01/2026		
62	3	Tạ Thị Thu Hồng	01/3/1982	26/9/2003	01/6/2004	21 năm	21%	01/6/2025	22 năm	22%	01/6/2026		
	IX	Trường PT DTNT THCS Minh Long											
63	1	Trần Thị Ngọc Lệ	19/03/1977	01/09/1998	21/06/1999	26 năm	26%	01/05/2025	27 năm	27%	01/05/2026		
64	2	Hồ Thanh Trung	22/09/1979	20/09/2000	01/06/2001	24 năm	24%	01/06/2025	25 năm	25%	01/06/2026		
65	3	Nguyễn Thị Mỹ Trang	07/03/1971	05/09/1992	01/01/1994	31 năm	31%	01/01/2025	32 năm	32%	01/01/2026		
66	4	Nguyễn Thị Hốp	17/12/1974	09/09/1995	01/01/1997	28 năm	28%	01/01/2025	29 năm	29%	01/01/2026		
67	5	Đoàn Thủy Hương	18/10/1981	07/01/2009	07/01/2010	15 năm	15%	07/01/2025	16 năm	16%	07/01/2026		
68	6	Nguyễn Hồng Khôi	01/04/1990	30/01/2012	01/02/2013	12 năm	12%	01/02/2025	13 năm	13%	01/02/2026		
69	7	Lê Thị Thúy Hương	16/10/1989	26/04/2012	28/04/2013	12 năm	12%	01/05/2025	13 năm	13%	01/05/2026		
70	8	Thới Thượng Hoàng	24/01/1995	01/01/2020	01/01/2020	5 năm	5%	01/01/2025	6 năm	6%	01/01/2026		